TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM ĐÔNG** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HS-ST
Ngày 06 - 02 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM ĐÔNG, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Minh Thược.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Minh Tròn.

Đơn vị công tác: Phòng Giáo dục và đào tạo huyện Nam Đông.

Bà Lê Thị Xuân Hương.

Đơn vị công tác: UBMTTQVN huyện Nam Đông.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thái Vũ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Mỹ Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số:13/2017/TLST-HS ngày 09 tháng 10 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2017/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2017/HSST-QĐ ngày 17 tháng 01 năm 2018 của Chánh án Tòa án nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế đối với bị cáo:

Nguyễn Công B (Nguyễn Hữu B), sinh ngày 08 tháng 10 năm 1991, tại tỉnh Quảng Trị; nơi cư trú: Thôn 10, xã H, huyện Đ, tỉnh H; nghề nghiệp: Không có nghề nghiệp; trình độ văn hoá (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Công Đ (chết) và bà Nguyễn Thị B; tiền án: Chưa, tiền sự: Bị Tòa án nhân dân huyện H, thành phố M áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Quyết định số 184/2017/QĐ-TA ngày 05/4/2017; tạm giam ngày 02/6/2017 và hiện đang tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh H. Có mặt.

- *Bị hại*: Cháu Mai Thị Kiều G, sinh ngày 24 tháng 02 năm 2000; nơi cư trú: Số 8, ấp 3A, xã X, huyện L, tỉnh N. Vắng mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại*:

+ Ông Mai Trung T, sinh năm 1948; nơi cư trú: Số 8, ấp 3A, xã X, huyện L, tỉnh

N. Vắng mặt.

+ Bà Hồ Thị B, sinh năm 1963; nơi cư trú: Số 8, ấp 3A, xã X, huyện L, tỉnh N. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Ông Hoàng Ngọc L, sinh năm 1958; nơi cư trú: Ấp 3A, xã X, huyện L, tỉnh N. Vắng mặt.

+ Chị Trần Thị T, sinh năm 1989; nơi cư trú: Ấp 3A, xã X, huyện L, tỉnh N. Vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Công N, sinh năm 1977; nơi cư trú: Thôn 10, xã H, huyện Đ, tỉnh H. Có mặt.

+ Anh Ngô Quang H, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn 10, xã H, huyện Đ, tỉnh H. Vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1965; nơi cư trú: Thôn 10, xã H, huyện Đ, tỉnh H. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng đầu tháng 9/2015 Nguyễn Công B, sinh ngày 08/10/1991, cư trú tại thôn 10, xã H, huyện Đ, tỉnh H quen biết và có mối quan hệ yêu đương với cháu Mai Thị Kiều G, sinh ngày 24 tháng 02 năm 2000, cư trú tại Ấp 3A, xã X, huyện L, tỉnh N. Ngày 08/10/2015 B đưa G ra nhà mẹ ruột của B là bà Nguyễn Thị B tại thôn 10, xã H, huyện Đ, tỉnh H để sinh sống, đến ngày 12/10/2015, sau khi ăn nhậu với một số bạn bè, B đã có hành vi giao cấu lần đầu tiên với cháu Mai Thị Kiều G tại nhà bà Nguyễn Thị B. Ngày 20/12/2015 ông Mai Trung T là bố đẻ của cháu Mai Thị Kiều G tìm đến nhà bà Nguyễn Thị B để đưa G về nhà. Ngày 06/01/2016 B đón xe ô tô vào ấp 3A, xã X, huyện L, tỉnh N tìm gặp G và tiếp tục đưa G ra nhà bà Nguyễn Thị B tại xã H, huyện Đ để tiếp tục chung sống và quan hệ tình dục với nhau nhiều lần nhưng không áp dụng biện pháp tránh thai. Đến ngày 19/02/2016 do thấy cháu G mệt mỏi, có nhiều biểu hiện lạ nên B và G đã mua que thử thai tại chợ Khe Tre để thử cho G, kết quả thể hiện cháu G đã có thai. Ngày 19/10/2016 thì Mai Thị Kiều G đã sinh con tại Bệnh viện Đa khoa khu vực L, tỉnh N.

Ngày 10/04/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra huyện Đ đã ra quyết định trưng cầu giám định ADN (mẫu máu, mẫu tóc, mẫu niêm mạc miệng của Mai Thị Kiều G, cháu B do G sinh ra và của Nguyễn Công B) đến phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Đà Nẵng, Bộ Công an.

Ngày 21/4/2017 phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Đà Nẵng, Bộ Công an đã có kết luận giám định: Cháu B do Mai Thị Kiều G sinh ra là con đẻ của Mai Thị Kiều G và Nguyễn Công B với xác xuất là 99,99999%.

Bản cáo trạng số 11/QĐ/KSĐT ngày 09/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh H truy tố bị cáo Nguyễn Công B về tội "Giao cấu với trẻ em" theo điểm a, d khoản 2 Điều 115 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội "Giao cấu với trẻ em" và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm a, d khoản 2 Điều 115; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Nguyễn Công B từ 04 năm đến 05 năm tù.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 trả lại cho bị hại gồm: 01 phiếu kết quả siêu âm thai ngày 24/8/2016; 01 phiếu kết quả siêu âm thai ngày 23/9/2016; 01 sổ khám thai ngày 24/8/2016; 01 sổ khám thai ngày 13/7/2016; 03 phiếu xét nghiệm ngày 24/8/2016, 25/8/2016, 27/8/2016 mang tên Mai Thị Kiều G.

Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Mai Trung T (cha ruột của cháu Mai Thị Kiều G: Vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 31/01/2018 của ông Mai Trung T đề nghị Hội đồng xét xử phải xử bị cáo Nguyễn Công B nghiêm minh, đúng pháp luật; về bồi thường thiệt hại bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi giao cấu với người chưa đủ 16 tuổi là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo là phù hợp với lời khai của bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại cùng với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng đầu tháng 9/2015 Nguyễn Công B sinh ngày 08/10/1991 và Mai Thị Kiều G sinh ngày 24/02/2000 quen biết và phát sinh tình cảm yêu đương với nhau. Thời gian từ ngày 12/10/2015 Nguyễn Công B và cháu Mai Thị Kiều G đã có quan hệ tình dục với nhau nhiều lần và không áp dụng biện pháp tránh thai, dẫn đến cháu Mai Thị Kiều G có thai, đến ngày 19/10/2016 thì Mai Thị Kiều G đã sinh con tại Bệnh viện Đa khoa khu vực L, tỉnh N. Tại bản kết luận giám định số 215/C54C (Đ5) ngày 21/4/2017 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà

Nẵng kết luận: Cháu bé do Mai Thị Kiều G sinh ra là con đẻ của Mai Thị Kiều G và Nguyễn Công B với xác xuất là 99,99999%. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi và năng lực pháp luật, bị cáo nhận thức được việc giao cấu với trẻ em là vi phạm pháp luật, nhưng chỉ vì để thỏa mãn nhu cầu tình dục mà bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Tính đến ngày Phạm Công B thực hiện hành vi phạm tội với cháu Mai Thị Kiều G thì cháu Mai Thị Kiều G mới có 15 tuổi 08 tháng 18 ngày.

Bản cáo trạng số 11/QĐ/KSĐT ngày 09/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh H truy tố bị cáo Nguyễn Công B về tội "Giao cấu với trẻ em" theo điểm a, d khoản 2 Điều 115 Bộ luật hình sự năm 1999 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Việc giao cấu diễn ra hoàn toàn tự nguyện, có sự đồng tình của người bị hại, nhưng hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền được bảo vệ về nhân thân, danh dự nhân phẩm mà còn xâm phạm đến sự phát triển bình thường của trẻ em, gây dư luận không tốt trong xã hội.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy rằng: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo không phạm vào những tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, về tiền sự bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 18 tháng theo Quyết định số 184/2017/QĐ-TA ngày 05/4/2017.

Do đó, khi quyết định hình phạt căn cứ vào các điểm a, d khoản 2 Điều 115; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 *(Tương ứng với quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 145; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015)* để xử phạt bị cáo một mức hình phạt tù nhất định, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào các tài lệu có trong hồ sơ vụ án và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 31/01/2018 của ông Mai Trung T đề nghị Hội đồng xét xử phải xử bị cáo Nguyễn Công B nghiêm minh, đúng pháp luật, về bồi thường thiệt hại bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thường khoản nào cả, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về vật chứng: Kiểm sát viên đề nghị áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 trả lại cho bị hại gồm: 01 phiếu kết quả siêu âm thai ngày 24/8/2016; 01 phiếu kết quả siêu âm thai ngày 23/9/2016; 01 sổ khám thai ngày 24/8/2016; 01 sổ khám thai ngày 13/7/2016; 03 phiếu xét nghiệm ngày 24/8/2016, 25/8/2016, 27/8/2016 mang tên Mai Thị Kiều G là không có cơ sở, vì đây là những chứng cứ quan trọng của vụ án để chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Công B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điểm a, d, khoản 2, Điều 115; điểm p, khoản 1, Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999*(Tương ứng với quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 145; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015)*; Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự 2003; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Công B phạm tội "Giao cấu với trẻ em". Xử phạt: Nguyễn Công B 04 (bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 02/6/2017.

2. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Công B phải chịu 200.000 *(hai trăm ngàn)* đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Hồ Minh Thược

Nơi nhận:
- TAND tỉnh H;
- VKSND tỉnh H;
- Sở Tư pháp tỉnh H;
- VKSND huyện Đ;
- Cơ quan Điều tra Công an huyện Đ;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Đ;
- Trại tạm giam Công an tỉnh H;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Bị cáo; bị hại; người đại diện pháp của bị hại;
- Lưu: HS, THAHS, Án văn.